TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

**TRUNG TÂM ĐÀO TẠO CHUẨN ĐẦU RA**

# DANH SÁCH LỚP KỸ NĂNG MỀM - NĂM 2025

**BẮT ĐẦU HỌC: 06/01/2025**

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 25-KNM-13<br>Phòng I6-03<br>(18h30-20h45) | Thứ 2<br>06/01<br>2025 | Thứ 4<br>08/01<br>2025 | Thứ 6<br>10/01<br>2025 | Thứ 2<br>13/01<br>2025 | Thứ 4<br>15/01<br>2025 | Nghỉ tết Nguyên đán | Thứ 2<br>10/02<br>2025 | Thứ 4<br>12/02<br>2025 | Thứ 6<br>14/02<br>2025 | Thứ 2<br>17/02<br>2025 | Thứ 4<br>19/02<br>2025 | Thứ 2<br>24/02<br>2025 | Thứ 4<br>26/02<br>2025 | Thứ 6<br>28/02<br>2025 | Thứ 2<br>03/03<br>2025 | Thứ 4<br>05/03<br>2025 | Thứ 2<br>10/03<br>2025 | Thứ 4<br>12/03<br>2025 | Thứ 6<br>14/03<br>2025 | Thứ 2<br>17/03<br>2025 | Thứ 4<br>19/03<br>2025 |
| | Thầy Tư | Thầy Tư | Thầy Tư | Thầy Tư | Thầy Tư | | Cô Phương Anh | Cô Phương Anh | Cô Phương Anh | Cô Phương Anh | Cô Phương Anh | Cô Nhiên | Cô Nhiên | Cô Nhiên | Cô Nhiên | Cô Nhiên | Thầy Văn Thuyên | Thầy Văn Thuyên | Thầy Văn Thuyên | Thầy Văn Thuyên | Thầy Văn Thuyên |
| | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn |
| | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | K.Tra | | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | K.Tra | Kỹ năng 4 | Kỹ năng 4 | Kỹ năng 4 | Kỹ năng 4 | K.Tra | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | K.Tra |

✱✱✱ **Yêu cầu giảng viên điểm danh đầy đủ, chính xác và nhắc nhở các trường hợp vắng nhiều.**

| STT | MÃ SV | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | LỚP | KN1 ra Quyết định và Xử lý vấn đề | | | | | KN2 chuẩn bị CV và trả lời Phỏng vấn | | | | | KN3 Giao tiếp và Ứng xử | | | | | KN4 Thuyết trình và Làm việc nhóm | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT |
| 1 | 239722 | Nguyễn Thị Như | Ái | 20/08/2005 | Sóc Trăng | DH23TCN02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | 234749 | Nguyễn Trần Lan | Anh | 06/12/2005 | An Giang | DH23TCN02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | 234971 | Cao Minh | Bảo | 01/09/2005 | Hậu Giang | DH23TCN02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | 234510 | Bùi Nguyễn Như | Bình | 17/10/2005 | Đồng Tháp | DH23TCN02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | 234240 | Huỳnh Thị Ngọc | Chúc | 27/10/2005 | Sóc Trăng | DH23KTR01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | 235345 | Phan Văn | Đồng | 06/08/2005 | Sóc Trăng | DH23KTR01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 7 | 233119 | Nguyễn Tuấn | Du | 24/08/2004 | Cần Thơ | DH23CKD01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 8 | 234577 | Phạm Thanh | Được | 30/10/2005 | Kiên Giang | DH23CKD01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 9 | 225902 | Nguyễn Xuân | Dương | 01/01/2004 | Cà Mau | DH22XDU02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 10 | 235000 | Lưu Hồng | Duyên | 10/01/2005 | Bạc Liêu | DH23TCN02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 11 | 234341 | Trương Gia | Hân | 16/03/2005 | Hậu Giang | DH23TCN02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 12 | 235444 | Bates Kiến | Hào | 04/01/2005 | Cần Thơ | DH23XDU01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 13 | 210630 | Hồ Minh | Hiếu | 13/04/2003 | Hậu Giang | DH21TIN01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 14 | 236314 | Trịnh Trung | Hiếu | 02/07/2005 | Cà Mau | DH23CKD01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 15 | 233487 | Trần Hoàng | Khải | 16/02/2005 | Sóc Trăng | DH23KTR01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 16 | 235762 | Đỗ Anh | Khang | 10/12/2005 | Cà Mau | DH23KTR01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 17 | 232709 | Dương Trọng | Khang | 09/07/2005 | Vĩnh Long | DH23KTR01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 18 | 238237 | Nguyễn Minh | Khang | 19/01/2005 | An Giang | DH23CKD01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 19 | 234718 | Nguyễn Phạm An | Khang | 21/01/2005 | Cần Thơ | DH23XDU01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 20 | 234400 | Trịnh Thế | Khang | 07/06/2005 | Cà Mau | DH23CKD01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

**TRUNG TÂM ĐÀO TẠO CHUẨN ĐẦU RA**

# DANH SÁCH LỚP KỸ NĂNG MỀM - NĂM 2025

**BẮT ĐẦU HỌC: 06/01/2025**

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 6 | Thứ 2 | Thứ 4 | | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 6 | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 6 | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 6 | Thứ 2 | Thứ 4 |
| | 06/01 2025 | 08/01 2025 | 10/01 2025 | 13/01 2025 | 15/01 2025 | | 10/02 2025 | 12/02 2025 | 14/02 2025 | 17/02 2025 | 19/02 2025 | 24/02 2025 | 26/02 2025 | 28/02 2025 | 03/03 2025 | 05/03 2025 | 10/03 2025 | 12/03 2025 | 14/03 2025 | 17/03 2025 | 19/03 2025 |
| 25-KNM-13 Phòng I6-03 (18h30-20h45) | Thầy Tư | Thầy Tư | Thầy Tư | Thầy Tư | Thầy Tư | Nghỉ tết Nguyên đán | Cô Phương Anh | Cô Phương Anh | Cô Phương Anh | Cô Phương Anh | Cô Phương Anh | Cô Nhiên | Cô Nhiên | Cô Nhiên | Cô Nhiên | Cô Nhiên | Thầy Văn Thuyên | Thầy Văn Thuyên | Thầy Văn Thuyên | Thầy Văn Thuyên | Thầy Văn Thuyên |
| | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn |
| | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | K.Tra | | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | K.Tra | Kỹ năng 4 | Kỹ năng 4 | Kỹ năng 4 | Kỹ năng 4 | K.Tra | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | K.Tra |

✱✱✱ **Yêu cầu giảng viên điểm danh đầy đủ, chính xác và nhắc nhở các trường hợp vắng nhiều.**

| STT | MÃ SV | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | LỚP | KN1 ra Quyết định và Xử lý vấn đề | | | | | KN2 chuẩn bị CV và trả lời Phỏng vấn | | | | | KN3 Giao tiếp và Ứng xử | | | | | KN4 Thuyết trình và Làm việc nhóm | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT |
| 21 | 212266 | Nguyễn Trúc | Lam | 22/11/2003 | Đồng Tháp | DH22KQT02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 22 | 234592 | Phan Nguyễn Gia | Linh | 10/11/2005 | Cần Thơ | DH23TCN02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 23 | 234684 | Nguyễn Phát | Lợi | 28/09/2005 | Sóc Trăng | DH23CKD01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 24 | 234275 | Nguyễn Huỳnh | Long | 07/11/2005 | Vĩnh Long | DH23CKD01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 25 | 225226 | Đồng Thụy Ngọc | My | 02/06/2003 | Cần Thơ | DH22KQT02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 26 | 234358 | Nguyễn Thị Kiều | My | 12/12/2005 | Kiên Giang | DH23TCN02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 27 | 232664 | Phan Quốc | Mỹ | 09/02/2005 | Bạc Liêu | DH23CKD01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 28 | 211097 | Lê Thị Kim | Ngân | 18/04/2003 | Hậu Giang | DH21MAR01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 29 | 234728 | Phạm Thị Mộng | Nghi | 21/08/2005 | Hậu Giang | DH23TCN02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 30 | 232943 | Nguyễn Gia | Nghiêm | 18/06/2005 | An Giang | DH23CKD01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 31 | 237903 | Hồ Quốc | Ngọt | 19/2/2005 | Bạc Liêu | DH23CKD01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 32 | 235523 | Trương Chí | Nguyên | 04/12/2005 | Cà Mau | DH23CKD01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 33 | 234378 | Lâm Thanh | Nhàn | 22/02/2005 | Bạc Liêu | DH23TCN02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 34 | 235071 | Phạm Ngọc | Nhiều | 31/08/2005 | Sóc Trăng | DH23CKD01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 35 | 234768 | Huỳnh Tấn | Phát | 10/07/2005 | Bạc Liêu | DH23KTR01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 36 | 239632 | Nguyễn Hoàng | Phúc | 06/12/2005 | Bạc Liêu | DH23KTR01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 37 | 239646 | Đỗ Việt | Quốc | 06/07/2005 | An Giang | DH23CKD01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 38 | 238128 | Nguyễn Trung | Thắng | 07/01/2005 | Hậu Giang | DH23CKD01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 39 | 236328 | Nguyễn Tiến | Thịnh | 09/12/2005 | Cần Thơ | DH23CKD01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 40 | 236406 | Phạm Anh | Thịnh | 23/05/2005 | An Giang | DH23KTR01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

**TRUNG TÂM ĐÀO TẠO CHUẨN ĐẦU RA**

# DANH SÁCH LỚP KỸ NĂNG MỀM - NĂM 2025

**BẮT ĐẦU HỌC: 06/01/2025**

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 6 | Thứ 2 | Thứ 4 | | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 6 | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 6 | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 6 | Thứ 2 | Thứ 4 |
| | 06/01 2025 | 08/01 2025 | 10/01 2025 | 13/01 2025 | 15/01 2025 | | 10/02 2025 | 12/02 2025 | 14/02 2025 | 17/02 2025 | 19/02 2025 | 24/02 2025 | 26/02 2025 | 28/02 2025 | 03/03 2025 | 05/03 2025 | 10/03 2025 | 12/03 2025 | 14/03 2025 | 17/03 2025 | 19/03 2025 |
| 25-KNM-13 Phòng I6-03 (18h30-20h45) | Thầy Tư | Thầy Tư | Thầy Tư | Thầy Tư | Thầy Tư | Nghỉ tết Nguyên đán | Cô Phương Anh | Cô Phương Anh | Cô Phương Anh | Cô Phương Anh | Cô Phương Anh | Cô Nhiên | Cô Nhiên | Cô Nhiên | Cô Nhiên | Cô Nhiên | Thầy Văn Thuyên | Thầy Văn Thuyên | Thầy Văn Thuyên | Thầy Văn Thuyên | Thầy Văn Thuyên |
| | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn |
| | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | K.Tra | | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | K.Tra | Kỹ năng 4 | Kỹ năng 4 | Kỹ năng 4 | Kỹ năng 4 | K.Tra | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | K.Tra |

✱✱✱ **Yêu cầu giảng viên điểm danh đầy đủ, chính xác và nhắc nhở các trường hợp vắng nhiều.**

| STT | MÃ SV | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | LỚP | KN1 ra Quyết định và Xử lý vấn đề | | | | | KN2 chuẩn bị CV và trả lời Phỏng vấn | | | | | KN3 Giao tiếp và Ứng xử | | | | | KN4 Thuyết trình và Làm việc nhóm | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT |
| 41 | 234594 | Phan Anh | Thư | 24/04/2005 | Cà Mau | DH23TCN02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 42 | 223411 | Võ Thị Huyền | Trân | 10/10/2004 | Hậu Giang | DH22KQT02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 43 | 237917 | Phạm Minh | Tuân | 21/04/2005 | An Giang | DH23KTR01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 44 | 235017 | Nguyễn Thảo | Vi | 10/09/2005 | Kiên Giang | DH23TCN02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 45 | 234606 | Trần Thị Bảo | Vi | 25/11/2005 | Đồng Tháp | DH23MAR02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 46 | 234491 | Nguyễn Thị Diễm | Vy | 20/11/2005 | Đồng Tháp | DH23TCN02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 47 | 235085 | Trần Thảo | Vy | 30/11/2005 | Hậu Giang | DH23TCN02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 48 | 224051 | Trương Tường | Vy | 19/01/2004 | Kiên Giang | DH22KQT02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 49 | 234239 | Nguyễn Thị Như | Ý | 03/09/2005 | Tp.Hcm | DH23KTR01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 50 | 235164 | Trần Ngọc | Ý | 31/05/2005 | Vĩnh Long | DH23TCN02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 51 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 52 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 53 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 54 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 55 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 56 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 57 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 58 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 59 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 60 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |